

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2020
V/v tranh chấp về ly hôn giữa chị P
với anh T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.
2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Hồng P, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp HL, xã ĐHC, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp HL, xã ĐHC, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Trương Hồng P trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phú Thọ, sinh năm 1992 và Lê Phú Lực, sinh năm 1993. Các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai đề ngày 11 tháng 02 năm 2020 bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm. Nay vợ yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phú Thọ, sinh năm 1992 và Lê Phú Lực, sinh năm 1993. Các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định yêu cầu xin ly hôn.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Photo chứng minh nhân dân của chị P, anh T, Sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh cháu Thọ, cháu Lực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh T bắt đầu chung sống từ năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã

ly thân hơn 03 năm. Nay vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Xét, quan hệ hôn nhân của chị P và anh T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị P và anh T chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn là không phù hợp quy định pháp luật tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ly thân đã hơn 03 năm. Đồng thời, chị P và anh T đều yêu cầu giải quyết cho ly hôn, thể hiện anh chị đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phú Thọ, sinh năm 1992 và Lê Phú Lực, sinh năm 1993. Các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Hồng P với anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phú Thọ, sinh năm 1992 và Lê Phú Lực, sinh năm 1993. Các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trương Hồng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu số 0006220 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ

Phạm Văn Trung

Lê Thị Hồng Thi